

## PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

##### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

###### 1.1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm

- Tên dự toán mua sắm: Mở rộng, gia hạn bảo hành cho thiết bị lưu trữ; thay thế, gia hạn bảo hành thiết bị mạng và bổ sung giải pháp backup;
- Chủ đầu tư: Cục Công nghệ thông tin;
- Mục tiêu mua sắm: Mở rộng, gia hạn bảo hành cho thiết bị lưu trữ; thay thế, gia hạn bảo hành thiết bị mạng và bổ sung giải pháp backup nhằm đảm bảo hoạt động của dữ liệu, các dịch vụ, phần mềm quan trọng, chạy chính của Kiểm toán nhà nước được an toàn, ổn định; đảm bảo việc quản trị từ xa tập trung trong quá trình quản trị vận hành hệ thống thông qua thiết bị chuyển mạch vùng quản trị kết nối từ các cổng quản trị trên các thiết bị Công nghệ thông tin trong Trung tâm dữ liệu đến Core Switch ; đảm bảo kết nối các dịch vụ public ra internet (Web Server, mail server, DNS server, ...) và các kết nối ra Internet (mạng wifi) của người dùng ổn định.

###### 1.1.2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Mở rộng, gia hạn bảo hành cho thiết bị lưu trữ; thay thế, gia hạn bảo hành thiết bị mạng và bổ sung giải pháp backup.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu:
  - + Bổ sung dung lượng lưu trữ và gia hạn bảo hành cho thiết bị Pure Storage FlashArray X50R2; gia hạn bảo hành cho Thiết bị lưu trữ Hitachi Content Platform (HCP- C.S): Tủ đĩa Hitachi Vantara Hitachi Content Platform (Content Platform G11 and Content Platform S11)
  - + Mua sắm thiết bị chuyển mạch tại 116 Nguyễn Chánh và 111 Trần Duy Hưng
  - + Mua sắm giải pháp sao lưu dữ liệu cho KTNN.
- Bên mời thầu: Cục Công nghệ thông tin.
- Nguồn vốn: Kinh phí thường xuyên của Kiểm toán nhà nước.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày.

### 1.1.3. Phạm vi cung cấp hàng hoá và dịch vụ của gói thầu

- Phạm vi cung cấp hàng hoá:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án
1	Bổ sung dung lượng lưu trữ và gia hạn bảo hành cho thiết bị Pure Storage FlashArray X50R2	Gói	1	Trung tâm dữ liệu, 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hoà, Hà Nội
2	Dịch vụ gia hạn bảo hành cho Thiết bị lưu trữ Hitachi Content Platform (HCP-C.S): Tủ đĩa Hitachi Vantara Hitachi Content Platform (Content Platform G11 and Content Platform S11)	Gói	2	Trung tâm dữ liệu, 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hoà, Hà Nội
3	Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch Cisco Catalist 2960X-48TS tại Trung tâm dữ liệu chính	Chiếc	1	Trung tâm dữ liệu, 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hoà, Hà Nội
4	Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng Cisco Catalist 2960X-24TS tại Trung tâm dữ liệu chính	Chiếc	2	Trung tâm dữ liệu, 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hoà, Hà Nội
5	Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng Cisco Catalist 2960S-24TS tại Trung tâm dữ liệu dự phòng	Chiếc	1	Trung tâm dữ liệu, 111 Trần Duy Hưng, phường Yên Hoà, Hà Nội
6	Mua sắm giải pháp Backup: số lượng instance là 50	Hệ thống	1	Trung tâm dữ liệu, 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hoà, Hà Nội

- Phạm vi cung cấp dịch vụ của gói thầu:

- + Nhà thầu phải vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, cài đặt, cấu hình, chạy thử và hoàn thiện hệ thống tại Trung tâm dữ liệu của Kiểm toán nhà nước tại trụ sở KTNN, số 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội và Trung tâm dữ liệu dự phòng tại trụ sở KTNN, số 111 Trần Duy Hưng, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội
- + Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho Chủ đầu tư đảm bảo vận hành các hàng hoá (thiết bị chuyển mạch và giải pháp Backup) thuộc gói thầu
- + Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.

### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

### 1.2.1. Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ

E-HSDT của nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa:

a) Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa và dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương V (Ghi rõ số lượng, khối lượng, mô tả thông số kỹ thuật chi tiết, mã hàng hóa, tên hãng sản xuất, các hạng mục chào mở rộng hoặc các thành phần thiết bị cấu thành lên hàng hóa để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nếu có), xuất xứ cụ thể của từng hàng hóa và từng thành phần thiết bị cấu thành lên hàng hóa cho từng hàng hóa chào thầu). Tất cả các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa nêu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch Tiếng Việt của cơ sở dịch thuật hợp pháp hoặc bản dịch Tiếng Việt được đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất, nhà đăng ký, nhà nhập khẩu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của tài liệu này.

b) Văn bản tuyên bố đáp ứng kỹ thuật: Trong mục chỉ dẫn đáp ứng có ghi rõ nội dung đáp ứng thể hiện trong tài liệu, catalogue, datasheet... (chỉ dẫn đúng tên tài liệu, catalogue bản in, trang, mục,...) và mức độ đáp ứng kỹ thuật cụ thể từng nội dung yêu cầu kỹ thuật theo mẫu sau:

STT	Thông số kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật chào thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hàng hóa:		Trang số.... của Cataloge/Tài liệu .....
	- Tính năng kỹ thuật		Trang số.... của Cataloge/Tài liệu .....
	...		...

#### **Ghi chú:**

- + Cột 1, 2: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;
- + Cột 3: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;
- + Cột 4: Nhà thầu ghi thông tin theo tài liệu chứng minh cho các thông tin nhà thầu kê khai tại cột (3.)

c) Văn bản cam kết khi bàn giao hàng hóa phải cung cấp Bản chính hoặc bản sao công chứng các tài liệu: Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) đối với các thiết bị nhập khẩu và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ, Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) đối với tất cả các thiết bị thuộc gói thầu khi bàn giao hàng hóa.

d) Văn bản cam kết hàng hóa chào thầu phải sản xuất từ năm 2024 trở về sau, là hàng mới 100% chưa qua sử dụng, có nhãn mác, xuất xứ, tên hãng sản xuất rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; đối với các thiết bị lắp ráp phải đảm bảo tính đồng bộ khi vận hành và sử dụng.

e) Văn bản cam kết khi bàn giao phần mềm, dịch vụ gia hạn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật phải cung cấp bản gốc hoặc bản sao công chứng các tài liệu: Giấy xác nhận cung cấp phần mềm và dịch vụ của hãng sản xuất cho Chủ đầu tư. Trong trường hợp xác nhận sản phẩm/dịch vụ qua hình thức điện tử, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu điện tử của hãng sản xuất để chứng minh tính hợp pháp của các sản phẩm cung cấp (các hồ sơ, tài liệu phải kèm bản dịch tiếng Việt có chứng thực nếu sử dụng tiếng nước ngoài).

f) Văn bản cam kết không vi phạm sở hữu trí tuệ đối với các bản quyền phần mềm và dịch vụ cung cấp.

Nhà thầu phải gửi tài liệu kèm theo để chứng minh các nội dung nêu trên.

### 1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa cung cấp

Tổng hợp yêu cầu (tối thiểu) về đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị, hàng hóa được nêu dưới đây:

STT	Tên thiết bị/Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị
1	<b>Bổ sung dung lượng lưu trữ và gia hạn bảo hành cho thiết bị Pure Storage FlashArray X50R2</b> Serial number: PCHFL18380269	1	Gói
	Gia hạn Bảo hành mở rộng 03 năm		
	Bổ sung dung lượng 20TB		
2	<b>Dịch vụ gia hạn bảo hành cho Thiết bị lưu trữ Hitachi Content Platform (HCP- C.S): Tủ đĩa Hitachi Vantara Hitachi Content Platform (Content Platform G11 and Content Platform S11)</b>	2	Gói
	Dịch vụ gia hạn bảo hành 03 năm chính hãng cho Thiết bị lưu trữ Hitachi Content Platform (HCP- C.S): Tủ đĩa Hitachi Vantara Hitachi Content Platform (Content Platform G11 and Content Platform S11) Serial number: 55109; 55108		
3	<b>Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch Cisco Catalist 2960X-48TS tại Trung tâm dữ liệu chính</b>	1	Chiếc
	Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng MGMT Cisco Catalist 2960X-48TS-L Serial Number FOT1849A010 tại Trung tâm dữ liệu chính		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Import được cấu hình hiện tại của thiết bị chuyển mạch vùng MGMT Cisco Catalist 2960X-48TS-L Serial Number FOT1849A010 tại Trung tâm dữ liệu chính</li> <li>• Cổng Giga Ethernet 48 cổng</li> <li>• Cổng uplinks 4 cổng 1G SFP</li> <li>• Nguồn PWR-C5-125WAC</li> <li>• Năng lực chuyển mạch: 104 Gbps</li> </ul>		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực chuyển mạch khi stack: 184 Gbps</li> <li>Tốc độ chuyển tiếp (gói): 77.38 Mpps</li> <li>Tốc độ chuyển tiếp khi stack (gói): 137 Mpps</li> </ul> Dịch vụ bảo hành 3 năm chính hãng.		
<b>4</b>	<b>Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng Cisco Catalist 2960X-24TS tại Trung tâm dữ liệu chính</b>	<b>2</b>	<b>Chiếc</b>
	Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng DMZ Cisco Catalist 2960X-24TS-L có Serial Number FOT2133B03Q và FOT2133B02B tại Trung tâm dữ liệu chính.		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Import được cấu hình hiện tại của thiết bị chuyển mạch vùng DMZ Cisco Catalist 2960X-24TS-L có Serial Number FOT2133B03Q và FOT2133B02B tại Trung tâm dữ liệu chính</li> <li>Cổng Giga Ethernet 24 cổng</li> <li>Cổng uplinks 4 cổng 1G SFP</li> <li>Nguồn PWR-C5-125WAC</li> <li>Năng lực chuyển mạch: 56 Gbps</li> <li>Năng lực chuyển mạch khi stack: 136 Gbps</li> <li>Tốc độ chuyển tiếp (gói): 41.67 Mpps</li> <li>Tốc độ chuyển tiếp khi stack (gói): 101 Mpps</li> </ul> Dịch vụ bảo hành 3 năm chính hãng.		
<b>5</b>	<b>Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng Cisco Catalist 2960S-24TS tại Trung tâm dữ liệu dự phòng</b>	<b>1</b>	<b>Chiếc</b>
	Mua sắm thiết bị chuyển mạch thay thế cho thiết bị chuyển mạch vùng MGMT Cisco Catalist 2960S-24TS-S Serial Number FOC1719X0V3 tại Trung tâm dữ liệu dự phòng		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Import được cấu hình hiện tại của thiết bị chuyển mạch vùng MGMT Cisco Catalist 2960S-24TS-S Serial Number FOC1719X0V3 tại Trung tâm dữ liệu dự phòng</li> <li>Cổng Giga Ethernet 24 cổng</li> <li>Cổng uplinks 4 cổng 1G SFP</li> <li>Nguồn PWR-C5-125WAC</li> <li>Năng lực chuyển mạch: 56 Gbps</li> <li>Năng lực chuyển mạch khi stack: 136 Gbps</li> <li>Tốc độ chuyển tiếp (gói): 41.67 Mpps</li> <li>Tốc độ chuyển tiếp khi stack (gói): 101 Mpps</li> </ul> Dịch vụ bảo hành 3 năm chính hãng.		
<b>6</b>	<b>Mua sắm giải pháp Backup: số lượng instance là 50</b>	<b>1</b>	<b>Hệ thống</b>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ sao lưu máy chủ ảo hóa: Sao lưu trực tiếp VM dạng SAN, NFS Datastore. Tự động phát hiện và dừng backup khi dung lượng Datastore dưới ngưỡng. Giám sát và điều chỉnh tốc độ backup khi Datastore latency cao.</li> <li>- Hỗ trợ sao lưu cho máy chủ chạy các hệ điều hành Microsoft Windows, Linux, Solaris, AIX. Hỗ trợ plug-ins cho Oracle RMAN, IBM DB2 và SAP HANA.</li> <li>- Hỗ trợ sao lưu dữ liệu trực tiếp từ Object storage</li> <li>- Hỗ trợ sao lưu các loại các ứng dụng đặc thù như Oracle, mysql, SQL server, Exchange server...</li> </ul>		
	<p>Khôi phục cho máy chủ ảo trên VMware, Microsoft Hyper-V, Nutanix AHV. Bản backup được kiểm tra virus, ransomware trước khi thực hiện restore. Hỗ trợ bare metal recovery cho IBM AIX và Oracle Solaris. Khôi phục file-level và item-level cho các hệ điều hành và ứng dụng khác nhau.</p>		
	<p>Tính năng deduplication và compression. Hỗ trợ backup ra băng từ (Tape) và Object Storage, datadomain, SAN, NAS. Tính năng đồng bộ dữ liệu tốc độ cao với RPO mức vài giây theo Continuous Data Protection.</p> <p>Cung cấp môi trường giả lập để tiến hành các thử nghiệm khôi phục, khắc phục thảm họa không gián đoạn, không ảnh hưởng tới quá trình hoạt động của ứng dụng</p>		
	<p>Tính năng inline malware detection trong quá trình backup. Hỗ trợ immutability để bảo vệ các bản sao lưu trên các hệ thống lưu trữ khác nhau. Hỗ trợ xác thực đa yếu tố và gửi events cảnh báo đến Syslog servers.</p>		
	<p>Giao diện quản trị GUI hoặc Web-based console. Performance monitoring và Alerting. Báo cáo về hạ tầng backup, bao gồm configuration report, compliance reporting, capacity planning. Dashboard hiển thị các backup jobs và sử dụng tài nguyên hệ thống. VMware Tags giúp kiểm soát quyền truy cập theo Role. Chargeback reports thông qua báo cáo cấu hình VM và mức độ sử dụng tài nguyên.</p>		
	<p>Hỗ trợ kỹ thuật: 01 năm</p>		

**Ghi chú:**

- Các dấu chấm (.) và dấu phẩy (,) của thông số kỹ thuật trong phạm vi bảng này được hiểu theo thông lệ quốc tế.
- Trong trường hợp bất kỳ yêu cầu kỹ thuật nào có chỉ dẫn liên quan đến nhãn hiệu hoặc series/part number hoặc ký hiệu/quy định riêng khác kèm theo thì chỉ mang tính chất tham khảo, thực tế có thể lựa chọn các loại hình sản phẩm, giải pháp kỹ thuật có tính năng tương đương hoặc tốt hơn.

- Các yêu cầu về kỹ thuật nêu trên là yêu cầu kỹ thuật tối thiểu của hàng hóa.
- Dịch vụ gia hạn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật là chính hãng sản xuất.

### **1.2.3. Yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật**

#### *1.2.3.1 Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của hãng Pure Storage*

- Hỗ trợ kỹ thuật 365x24x7
- Thời gian phản hồi yêu cầu  $\leq 15$  phút
- Hỗ trợ kỹ sư Level 1/Level 2 và có kỹ sư on-site thay thế các bộ phận cần bảo hành là người Việt được hãng ủy quyền đối tác
- Tạo yêu cầu trực tiếp trên portal của hãng
- Hỗ trợ giám sát chủ động (Proactive Monitoring)
- Hỗ trợ thay thế phần cứng trong 4 giờ (tính từ thời gian kết luận lỗi và gửi hàng thay thế)
- Hỗ trợ nâng cấp thay thế Controller vòng đời 3 năm 1 lần, đảm bảo phần cứng luôn là mới nhất và không bị End of line. Trong trường hợp khách hàng muốn thay lên dòng thiết bị cao hơn, hãng hỗ trợ chính sách thu cũ đổi mới, và khách hàng chỉ cần trả chi phí chênh lệch
- Hỗ trợ nâng cấp phần mềm từ xa.

#### *1.2.3.2 Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của hãng Hitachi*

- Thời gian phản hồi:
  - + Đối với hỗ trợ kỹ thuật toàn cầu:
    - Đối với mức độ nghiêm trọng 1, thời gian trong vòng 2 giờ
    - Đối với mức độ nghiêm trọng 2, thời gian trong vòng 6 ngày
    - Đối với mức độ nghiêm trọng 3,4,5 thời gian trong ngày làm việc tiếp theo
  - + Đối với hỗ trợ kỹ thuật onsite:
    - Đối với mức độ nghiêm trọng 1, thời gian trong vòng 12 giờ
    - Đối với mức độ nghiêm trọng 2, thời gian phải hồi trong cùng ngày làm việc
    - Đối với mức độ nghiêm trọng 3,4 thời gian phải hồi trong ngày làm việc tiếp theo
- Hỗ trợ tạo yêu cầu 24/7 trên portal của hãng
- Thay thế linh kiện: (tính từ thời gian Hitachi Vantara xác định được vấn đề và kết luận rằng cần phải thay thế) thời gian có thể thay đổi tùy theo vị trí hoặc khu vực địa lý

- + Đối với mức độ nghiêm trọng 1, thời gian trong vòng 12 giờ
- + Đối với mức độ nghiêm trọng 2, thời gian trong cùng ngày làm việc
- + Đối với mức độ nghiêm trọng 3,4 thời gian trong ngày làm việc tiếp theo
- Công cụ hỗ trợ online có thể truy cập 24/7
- Hỗ trợ Hitachi Remote Ops
- Hỗ trợ AIOps
- Hỗ trợ cập nhật từ xa: Microcode/Firmware, bản vá lỗi hồng bảo mật, bản vá
- Hỗ trợ thay thế ổ cứng trong ngày làm việc tiếp theo
- Trong thời gian bảo hành, Hitachi Vantara sẽ cung cấp dịch vụ thay thế linh kiện theo chính sách "Trả Về Nhà Máy" (RTF): Chính sách bảo hành bao gồm sửa chữa hoặc thay thế các linh kiện khi chúng được gửi trả về Hitachi Vantara. Mọi công việc bảo hành và Ủy Quyền Vật Tư Hoàn Trả (RMA) đều được Hitachi Vantara phối hợp thực hiện.

#### *1.2.3.3 Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của thiết bị chuyên mạch*

Các thiết bị chuyên mạch được thay thế phải được bảo hành theo tiêu chuẩn chính hãng.

Khi xảy ra hỏng hóc thiết bị, linh kiện cần phải bảo hành:

- Với trường hợp thiết bị, linh kiện có sẵn trong nước thì thời gian tối đa để thay thế sửa chữa là 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo.
- Với trường hợp thiết bị, linh kiện phải đặt hàng từ nước ngoài thì thời gian tối đa để thay thế sửa chữa là 06 tuần kể từ khi nhận được thông báo .

#### *1.2.3.4 Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của phần mềm Backup*

- Hướng dẫn sử dụng: Cung cấp tài liệu chi tiết bằng tiếng Việt và các khóa đào tạo cho cán bộ CNTT của KTNN.
- Dịch vụ hỗ trợ: Nhà cung cấp cần có tổng đài hoặc email hỗ trợ kỹ thuật.
- Bảo hành và nâng cấp: Phần mềm được bảo trì, cập nhật và nâng cấp theo chính sách hỗ trợ của hãng trong thời hạn cung cấp dịch vụ.

### **1.3. Các yêu cầu khác**

#### *1.3.1. Yêu cầu về bảo hành*

- Bảo hành: Thời hạn bảo hành được tính kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, các sản phẩm lỗi do nhà sản xuất được thực hiện chế độ khắc phục hoặc thay thế trong thời gian bảo hành sản phẩm. Trong thời gian chờ thay thế sản phẩm lỗi, đơn vị cung cấp phải có thiết bị dự phòng có cấu hình tương đương thay thế để duy trì hoạt động của hệ thống.

- + Thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: theo quy định tại **Khoản 1.2.2, Điều 1.2, Mục 1** và **Khoản 1.2.3, Điều 1.2, Mục 1** Chương V của E-HSMT đối với từng hàng hoá của gói thầu.
- + Chế độ bảo hành: bảo hành chính hãng theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.
- + Địa điểm bảo hành: tại địa điểm lắp đặt thiết bị và cài đặt hệ thống.
- Yêu cầu thời gian thực hiện bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật:
  - + Trong trường hợp thiết bị (hoặc linh kiện) lỗi phải đi bảo hành, nhà thầu phải cung cấp và lắp đặt thiết bị (hoặc linh kiện) thay thế tương đương hoặc tốt hơn cho đơn vị sử dụng trong thời gian đưa thiết bị đi bảo hành tại đơn vị bảo hành của hãng sản xuất hoặc đơn vị được ủy quyền bảo hành của hãng sản xuất tại Việt Nam. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí trong quá trình thực hiện bảo hành (*tài liệu cung cấp: bản cam kết của nhà thầu*).
  - + Thời gian khắc phục: theo quy định tại **Khoản 1.2.2, Điều 1.2, Mục 1** và **Khoản 1.2.3, Điều 1.2, Mục 1** Chương V của E-HSMT tại địa điểm lắp đặt và cài đặt kể từ thời điểm nhận được yêu cầu hỗ trợ từ của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.

### ***1.3.2. Tiến độ cung cấp hàng hóa và dịch vụ***

Thời gian thực hiện tính theo ngày dương lịch (kể cả ngày làm việc và các ngày nghỉ lễ). Thời gian thực hiện tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày hoàn thành, nghiệm thu bàn giao sản phẩm (ghi rõ tổng số ngày thực hiện). Nhà thầu tự xây dựng tiến độ cho mình bao gồm đầy đủ các nội dung công việc của *từng hàng hóa và dịch vụ* thuộc phạm vi của gói thầu, thời gian bắt đầu sản xuất/đặt hàng, đóng gói vận chuyển hàng hoá, kiểm tra thử nghiệm, lắp đặt, cài đặt, vận hành thử/kiểm thử, nghiệm thu bàn giao sản phẩm, thuyết minh các điều kiện đảm bảo tiến độ và các nội dung cần thiết khác (do nhà thầu đề xuất).

### ***1.3.3. Yêu cầu về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu***

Các yêu cầu về an ninh bảo mật, an toàn mạng lưới, thông tin, dữ liệu liên quan tới dự án được thực hiện tuân thủ theo quy định về an toàn, an ninh, bảo mật trong các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội khóa XI; Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội khóa XI; Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội khoá XII.

Bởi vì đây là hạng mục thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cho nên cần phải được kiểm soát chặt chẽ và đặc biệt là phải có sự ràng buộc đối với các chuyên gia cũng như tổ chức tư vấn trong việc cấu trúc mạng lưới, các giải pháp kỹ thuật công nghệ, giải pháp an toàn, an ninh, bảo mật và các vấn đề khác có liên quan.

Cam kết tuân thủ, bảo mật thông tin và quyền sở hữu trí tuệ hệ thống CNTT đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống CNTT của KTNN.

## **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Nhà thầu phải thực hiện và bàn giao đầy đủ các tài liệu, hồ sơ quy định chi tiết tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

- Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các thiết bị, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức kiểm thử cần thiết khác để tiến hành kiểm thử hàng hóa bằng chi phí của mình, kể cả chi phí điều chỉnh, thay thế mới chưa đáp ứng yêu cầu. Nếu trong E-HSĐT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các thiết bị có liên quan.